

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: Ông Châu Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Ngọc M**, sinh năm 1985 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 02, khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: **Nguyễn Chí C**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: **Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn **Lê Ngọc M** trình bày:

Bà **M** và ông **C** có thời gian quen biết tự nguyện tìm hiểu nhau từ năm 2003, sau đó tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại **UBND xã thị trấn B** vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu

thuần do ông **C** hay chơi cờ bạc, sô đề và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chăm lo cho gia đình, con cái, bà **M** đã nhiều lần khuyên răn, tha thứ nhưng ông **C** vẫn không thay đổi. Nay tình cảm không còn, bà **M** kiên quyết ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Chí H**, sinh ngày 22/01/2004 và **Nguyễn Chí K**, sinh ngày 18/01/2013 bà **M** yêu cầu nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Chí K** không yêu cầu cấp dưỡng, riêng **Nguyễn Chí H** đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn **Nguyễn Chí C** vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, không ghi nhận được ý kiến trình bày, Tòa án không tiến hành hòa giải được.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2009, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do ông **C** chỉ lo chơi cờ bạc, uống rượu và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác không chăm lo phụ bà **M** về kinh tế gia đình, chăm sóc con cái, dẫn đến việc bà **M** khởi kiện ly hôn, mâu thuẫn giữa bà **M** và ông **C** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn sự yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 07/3/2024 lời khai của bà **M** phù hợp kết quả xác minh, ông **C** liên tục vắng mặt các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án, không tạo cơ hội để hòa giải với bà **M** tìm cách hàn gắn lại tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Bà **M**, ông **C** có 02 con chung tên **Nguyễn Chí H**, sinh ngày 22/01/2004 và **Nguyễn Chí K**, sinh ngày 18/01/2013 bà **M** yêu cầu nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Chí K** không yêu cầu cấp dưỡng, riêng **Nguyễn Chí H** đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Căn cứ theo Biên bản ghi nhận lời khai ngày 22/5/2024 thể hiện cháu **Nguyễn Chí K** nguyện vọng muốn chung sống với bà **M**. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung **Nguyễn Chí K** cho bà **M**, chăm sóc nuôi dưỡng và ông **C** không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 13 tháng 11 năm 2023 bà **Lê Ngọc M** có đơn yêu cầu ly hôn với ông **Nguyễn Chí C** và yêu cầu giải quyết về nuôi con, ông **C** cư trú tại **tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang**. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 26/7/2024 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do; riêng nguyên đơn phiên tòa lần thứ nhất có mặt nhưng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà **M** và ông **C** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc vào ngày 09/10/ 2009 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà **M** và ông **C** được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà **M** yêu cầu ly hôn. Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tạo điều kiện hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông **C** vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền lợi của mình. Xét về mâu thuẫn từ năm 2015 bà **M** và ông **C** đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông **C** chỉ lo chơi cờ bạc, uống rượu và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác không chăm lo phụ bà **M** kinh tế gia đình, chăm sóc con cái mà lại bỏ mặc nhau tự sống, không còn tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau điều này phù hợp với kết quả Biên bản xác minh ngày 07/3/2024. Do đó, mâu thuẫn trong giữa bà **M** và ông **C** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **M** là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà **M** và ông **C** có 02 con chung tên **Nguyễn Chí H**, sinh ngày 22/01/2004 và **Nguyễn Chí K**, sinh ngày 18/01/2013 bà **M** yêu cầu nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Chí K** không yêu cầu cấp dưỡng, riêng **Nguyễn Chí H** đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Xét yêu cầu của nguyên đơn và là phù với nguyện vọng của cháu **Nguyễn Chí K**, phù hợp với điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Nguyễn Chí K** và ông **C**

không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Minh xác đ** không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà **Lê Ngọc M** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Lê Ngọc M**. Bà **Lê Ngọc M** được ly hôn với ông **Nguyễn Chí C**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 163 ngày 09/10/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà **Lê Ngọc M** được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Nguyễn Chí K**, sinh ngày 18/01/2013. Ông **C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **C** có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu **Nguyễn Chí K** được sống chung với bà **M**, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà **M**.

Ông **C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà **M** cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông **C** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông **C** lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà **Lê Ngọc M** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012074 ngày 13-11-2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà **Lê Ngọc M** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Ba Chúc;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

